

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 3 năm 2022
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phần

- Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Phạm Tám

. Ông Hồ Quang Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Nam Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 213/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ý T - sinh năm 1992; trú tại: Thôn BT, xã VB, huyện VN, tỉnh KH. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm M - sinh năm 1989; trú tại: Thôn BT, xã VB, huyện VN, tỉnh KH. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 31 tháng 5 năm 2021, bản tự khai của đương sự ngày 10/11/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ý T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ý T và ông Phạm M tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2015 và đã được Ủy ban nhân dân xã VB, huyện VN, tỉnh KH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06/2015, quyển số 01/2015 ngày 29/10/2015.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn vợ chồng bà T và ông M sống chung với nhau tại thôn BT, xã VB, huyện VN cũng hòa thuận và hạnh phúc.

Đến tháng 01/2018, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, không tôn trọng nhau nên vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại, ngoài ra ông M không quan tâm đến vợ con; bà T đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên từ năm 2020 vợ chồng bà đã sống ly thân.

Từ thời điểm ly thân cho đến nay, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, hai bên không còn yêu thương nhau nữa, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau và không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Ý T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với ông Phạm M.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Phạm Gia H - sinh ngày 01/01/2014 và Phạm Gia H1 - sinh ngày 12/01/2018. Hiện nay các con chung đang sống với bà T. Bà T yêu cầu giải quyết được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Phạm M để trình bày ý kiến về việc bà T khởi kiện, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông M đều không có mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của ông M, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ý T yêu cầu ly hôn với ông Phạm M - trú tại thôn BT, xã VB, huyện VN, tỉnh KH; nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Bị đơn ông M đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù bị đơn ông Phạm M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng căn cứ vào lời khai của bà T và các chứng cứ đã thu thập được thì việc kết hôn giữa bà T và ông M là tự nguyện, đăng ký kết hôn số 06/2015 ngày 29 tháng 01 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã VB, huyện VN, tỉnh KH, nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M là hợp pháp.

Bà T và ông M thực tế không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau từ năm 2020 cho đến nay. Bà T và ông M không tìm được giải pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau, xây dựng hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông M đến Tòa để giải quyết ly hôn giữa hai người nhưng ông M đều không có mặt, chứng tỏ ông M không còn quan tâm gì về quan hệ hôn nhân này nữa. Vì vậy, việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của bà Nguyễn Thị Ý T.

[3] Về con chung: Bà T, ông M có 02 (hai) con chung là Phạm Gia H sinh ngày 01/01/2014 và Phạm Gia H1 sinh ngày 12/01/2018. Bà T có yêu cầu được nuôi các con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Các con chung hiện đang do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu H, cháu H1 đều có nguyện vọng được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy việc giao cho bà T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của bà T. Bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ý T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ý T xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng.

[6] Bị đơn ông Phạm M mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn và cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy, không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của ông M.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ý T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho bà Nguyễn Thị Ý T được ly hôn với ông Phạm M.

2. Về con chung: Giao các con chung là Phạm Gia H sinh ngày 01/01/2014 và Phạm Gia H1 sinh ngày 12/01/2018 cho bà Nguyễn Thị Ý T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi.

Bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết bà T, ông M có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ý T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003134 ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
 - VKSND huyện VN ;
 - Chi cục THA huyện VN;
 - Ủy ban nhân dân xã VB
- (CNKH số 06/2015, ngày 29/01/2015;
- Các đương sự;
 - Lưu vụ án;
 - Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thành Phần

